

Bản án số: 33 /2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25- 3 - 2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trà My.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Song Hoàn;

2. Ông Hà Văn Trường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Vững – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 06/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 17/2024/QĐ-ST ngày 18 tháng 3 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1989; địa chỉ: A N, Phường C, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Dương Như Q, sinh năm 1985; địa chỉ: A N, Phường C, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(Bà T, ông Q vắng mặt, trong đó bà T có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Vào năm 2013, bà và ông Dương Như Q quen và tìm hiểu nhau được hơn 01 năm thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn, bà và ông Q chung sống hạnh phúc. Năm 2018, cuộc sống chung của bà và ông Q phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường hay cãi vã, không có tiếng nói chung do ông Q làm ăn kinh tế không bàn bạc cùng bà, gây nợ nần dẫn đến

phải bán nhà. Nay bà xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông Q, yêu cầu Tòa án giải quyết cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Q.

Về con chung, cấp dưỡng: Bà và ông Q có 02 con chung là cháu Dương Tuấn K, sinh ngày 10-11-2013 và Dương Tuấn K1, sinh ngày 30-4-2017. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Dương Như Q trình bày:

Ông thống nhất thời gian kết hôn như bà T trình bày. Sau khi kết hôn, ông và bà T chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì gia đình ông làm nhà, bản thân ông có vay mượn, đầu tư làm ăn kinh tế nhưng bị thua lỗ nên vợ chồng mâu thuẫn từ đó. Ông cũng thừa nhận việc làm ăn của ông đã làm ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình nên cũng đang cố gắng khắc phục, hàn gắn tình cảm vợ chồng, vì vậy, ông không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn bà Phạm Thị T vắng mặt, có đơn giữ nguyên các ý kiến trình bày ở giai đoạn trước khi xét xử và xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn ông Dương Như Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn tuân thủ đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự; Bị đơn không tuân thủ đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các quy định pháp luật về Luật Hôn nhân và gia đình, kết quả xác minh của Tòa án, chứng cứ trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: bà Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Dương Như Q nên đây là vụ án "tranh chấp ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông Q có nơi cư trú tại thành phố V nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và giấy triệu tập để tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng nguyên đơn vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[2.1] Bà T và ông Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 58 ngày 22-4-2013 nên là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà T, ông Q trình bày: sau khi kết hôn, ông, bà chung sống hạnh phúc. Đến năm 2018, cuộc sống chung của ông, bà phát sinh mâu thuẫn do ông Q làm ăn kinh tế bị thua lỗ, gây nợ nần làm ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình. Bà T xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông Q. Ông Q không đồng ý ly hôn vì đang cố gắng khắc phục hậu quả, hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Kết quả xác minh của Tòa án với địa phương nơi bà T và ông Q sinh sống có nội dung: Trong thời gian cư trú tại địa phương thì bà T và ông Q có xảy ra mâu thuẫn nhưng địa phương không nắm lý do cụ thể vì ông bà không yêu cầu hòa giải. Hiện nay, bà T và ông Q đang sống chung cùng 02 con. Những nội dung xác minh trên phù hợp với lời trình bày của bà T, ông Q.

Xét thấy, tình nghĩa vợ chồng phải xuất phát từ hai phía, cả hai cùng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Thực tế, bà T xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông Q và giữ nguyên ý kiến trình bày, yêu cầu khởi kiện của mình, cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Bản thân ông Q không đồng ý ly hôn nhưng ông không đưa ra được giải pháp nào hàn gắn mâu thuẫn gia đình. Hơn nữa, ông Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do; điều này cho thấy ông Q không quan tâm đến tâm tư nguyện vọng của bà T và không có thiện chí khắc phục mâu thuẫn để đoàn tụ gia đình.

Xét yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân của bà T với ông Q là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung, cấp dưỡng: bà T và ông Q có 02 con chung là Dương Tuấn K sinh ngày 10-11-2013 và Dương Tuấn K1 sinh ngày 30-4-2017. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng. Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con chung của bà T thì thấy: các con chung của ông Q, bà T còn nhỏ, đều có nguyện vọng được bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Q không có yêu cầu gì về vấn đề con chung. Ngoài ra, việc bà T không yêu cầu ông Q cấp dưỡng là ý kiến tự nguyện và sự tự nguyện này không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên căn cứ Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T về việc bà T được

trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Dương Tuấn K và Dương Tuấn K1, ông Q không cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông Q không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1 Điều 228, Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T;

Về quan hệ hôn nhân: bà Phạm Thị T được ly hôn với ông Dương Như Q.

Về con chung, cấp dưỡng: Bà Phạm Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Dương Tuấn K sinh ngày 10-11-2013 và Dương Tuấn K1 sinh ngày 30-4-2017; ông Dương Như Q không cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai có quyền cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ của con hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Phạm Thị T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002153 ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu; bà T đã nộp xong án phí.

Ông **Dương Như Q** không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP. Vũng Tàu;
- UBND xã Eaknuéc, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk ;
- Các đương sự;
- Văn phòng TAND TP. Vũng Tàu;
- Lưu: Tòa DS; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Trà My